

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết về quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết
Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Văn bản số 53/HĐND-VP ngày 27/01/2022 của Văn phòng Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc một số nội dung liên quan đến lĩnh vực ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh và Hội đồng Nhân dân tỉnh.

Ủy ban Nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng Nhân dân tỉnh những nội dung chủ yếu của dự thảo Nghị quyết về quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 như sau:

I. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết, mục đích, quan điểm, quá trình xây dựng xây dựng nghị quyết:

1. Cơ sở pháp lý

Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015 được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Sự cần thiết ban hành:

Kể từ năm 2010 đến nay, UBND tỉnh căn cứ tình hình thực tế hằng năm (có xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy và thường trực HĐND tỉnh) đã ban hành

các Quyết định về hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán để làm cơ sở hỗ trợ, chăm lo các đối tượng khó khăn, người lao động, chúc tết, thăm hỏi các đối tượng người có công, các đối tượng đang làm nhiệm vụ,.. trong dịp Tết Nguyên đán.

Từ các cơ sở nêu trên, việc xây dựng Tờ trình dự thảo Nghị quyết về quy định đối tượng và mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 là hết sức cần thiết.

3. Mục đích

Phát huy truyền thống đại đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái", “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của dân tộc; thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước trong chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tổ chức tốt việc thăm hỏi, chúc Tết đối với những người có công, người có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội... và các đơn vị lực lượng vũ trang, các lực lượng làm nhiệm vụ trong những ngày Tết Nguyên đán.

4. Quan điểm xây dựng

Trên cơ sở chấp thuận chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng Nhân dân hàng năm, cụ thể:

Hỗ trợ Tết năm 2020 tại văn bản số 8210-CV/TU ngày 27/12/2019 về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 27/12/2019 về chấp thuận chủ trương hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 và văn bản 932/HĐND – VP ngày 19/12/2019 về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020).

Hỗ trợ tết năm 2021 tại văn bản số 404-CV/TU ngày 29/12/2020 về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 29/12/2020 về chấp thuận chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 và văn bản 26/HĐND – VP ngày 07/01/2021 về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán năm 2021).

Hỗ trợ tết năm 2022 tại văn bản số 2929-CV/TU ngày 31/12/2021 về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 31/12/2021 về chấp thuận chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán 2022 và văn bản 10/HĐND – VP ngày 10/01/2022 về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022).

Từ những cơ sở căn cứ nêu trên, hàng năm UBND tỉnh ban hành Quyết định về hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán, tuy nhiên việc ban hành Quyết định hỗ trợ như trên là chưa phù hợp.

4. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Thực hiện quy định của Luật NSNN, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh và trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì soạn thảo nội dung dự thảo Tờ trình ban hành Nghị quyết.

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị có liên quan, đăng công thông tin lấy ý kiến người dân theo quy định, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đơn vị soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn chỉnh dự thảo gửi UBND tỉnh để xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp.

II. Những nội dung cơ bản:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.

2. Đối tượng được hỗ trợ:

Hộ gia đình, hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân là đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng thuộc diện chính sách, bảo trợ xã hội, hưu trí, bệnh nhân, phạm nhân;... công chức, viên chức, người lao động (có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5.0 trở xuống) tại các cơ quan Đảng, Đoàn thể, Quản lý Nhà nước, sự nghiệp công lập đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Các cá nhân, gia đình, các đơn vị có liên quan đến việc hỗ trợ trong dịp tết nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025.

III. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng như sau:

1. Mức 10.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó bí thư Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu.

2. Mức 7.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu.

3. Mức 5.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí:

a) Là đảng viên 65 năm tuổi Đảng trở lên (*Riêng các đồng chí có 70 năm tuổi Đảng trở lên mỗi đồng chí kèm theo 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/đồng chí*).

b) Là cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

4. Mức 4.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa.

5. Mức 3.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là: Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng.

6. Mức 2.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là nguyên trưởng, phó các ban Đảng, ủy viên Ban kiểm tra Tỉnh ủy các khóa không là tỉnh ủy viên đã nghỉ hưu.

7. Mức 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng;

8. Mức quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí, gia đình các đồng chí có công đóng góp cho tỉnh Biên Hòa cũ.

9. Mức 1.000.000 đồng/người (hoặc 1.000.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng.

b) Gia đình các đồng chí nguyên ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã từ trần; Cán bộ chính sách và gia đình cán bộ chính sách đã từ trần (hỗ trợ thêm thêm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/người).

c) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và các hợp đồng lao động tại các cơ quan, đơn vị được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay) hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ tài chính về chi thường xuyên (gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành).

d) Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) và cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ ấp, khu phố theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai.

e) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ -

được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Chi cục dự trữ nhà nước, Bảo hiểm xã hội; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức phục vụ Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Đồng Nai; sĩ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sỹ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04.

f) Cán bộ, nhân viên trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Trung cấp Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng nghề Lilama II (Long Thành), Trường Cao đẳng nghề số 8 (Biên Hòa), Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (Trảng Bom), Trường Trung cấp nghề Cơ điện Đông Nam Bộ (Vĩnh Cửu), Vườn Quốc gia Cát Tiên, Phân xã Đồng Nai và phóng viên thường trú báo Nhân dân tại Đồng Nai; giáo viên Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diêm - Trường Đại học Đồng Nai.

(Đối tượng nêu tại điểm c, d, e và f nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống).

g) Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp).

h) Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn.

i) Thân nhân liệt sỹ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sỹ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng.

j) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

k) Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương).

l) Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng.

m) Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

n) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy có hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý đang hưởng trợ cấp thường xuyên theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

o) Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng.

p) Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần).

q) Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%.

r) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp thường xuyên.

s) Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1 được hưởng mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ (không tính theo số người trong hộ).

t) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Mức 800.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

a. Hộ nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

11. Mức 600.000 đồng/người (hoặc 600.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Hộ cận nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diêm - Trường Đại học Đồng Nai.

c) Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.

d) Các đối tượng ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận).

đ) Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

12. Mức 400.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

b) Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm Bảo trợ huấn nghệ cô nhi Biên Hòa.

13. Mức 200.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy.

b) Phạm nhân đã bị kết án đang được giam giữ trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua.

1. Nguồn kinh phí thực hiện:

Từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định

2. Nguồn lực tài chính: dự kiến kinh phí hỗ trợ khoảng 242 tỷ đồng (trong đó nguồn ngân sách cấp tỉnh khoảng 131 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 111 tỷ đồng).

Khi nghị quyết được ban hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ chủ động hơn trong việc chuẩn bị nguồn lực và các điều kiện cần thiết khác để đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết được nghiêm túc, hiệu quả.

3. Tổ chức thực hiện:

UBND tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh;

Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố áp dụng thực nội dung chính sách theo quy định của Nghị quyết theo hướng dẫn của UBND tỉnh đảm bảo sự thống nhất.

Trên đây là Tờ trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước Đồng Nai;
- Cục Thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Cục Thống kê Đồng Nai;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

@DiễnKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH